

Số: 920/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 14 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 341/TTr-TNMT ngày 13 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép hộ gia đình bà **Trịnh Thị Hằng** - Cư trú tại: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu đang sử dụng thửa đất số 115 tờ bản đồ số 39, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu có tổng diện tích 151,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác. **Được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại đô thị đối với diện tích 151,1m².**

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng đất đai tỉnh Lai Châu lập ngày 09 tháng 7 năm 2020.

Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: Lâu dài.

Giá đất tính tiền sử dụng đất: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và nhân với hệ số K theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Lai Châu Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có).

Điều 2. Giao Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lai Châu chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Hướng dẫn hộ gia đình bà **Trịnh Thị Hằng** thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;
- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lai Châu; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam Đường; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến và người sử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

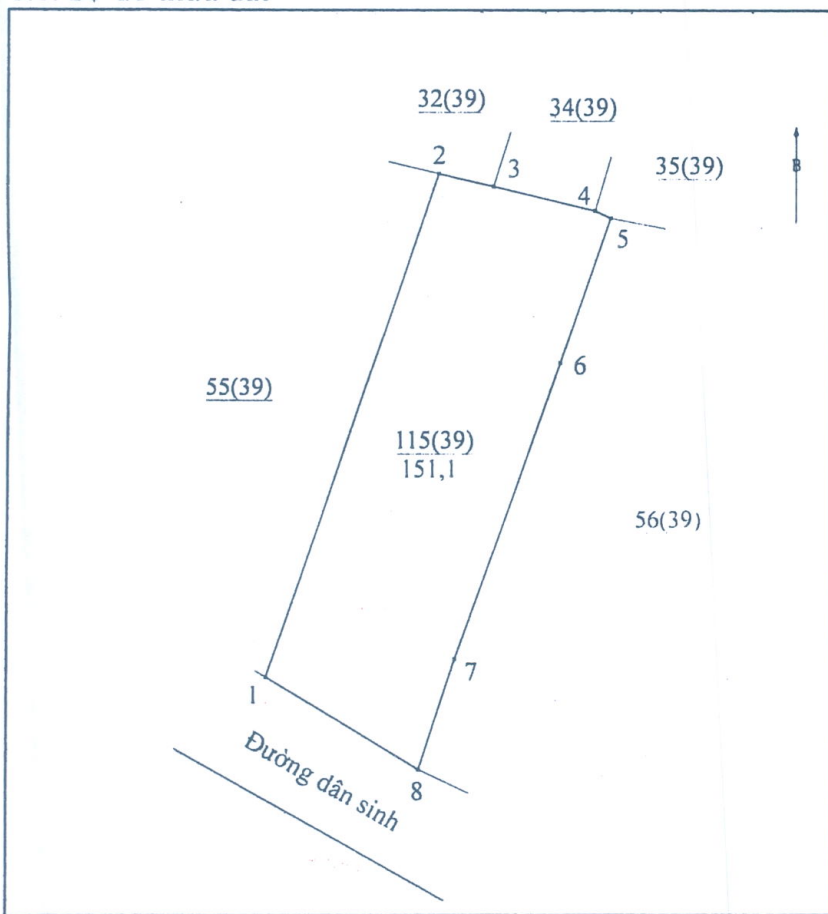


Bùi Hữu Cam

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH



1. Số thứ tự thửa đất: **115;** Tờ bản đồ số: **39**
 Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, Lai Châu;
2. Diện tích: 151,1m²;
3. Mục đích sử dụng đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK): 151,1m²;
4. Tên người sử dụng đất: **Ông Nguyễn Tiến Hiền và bà Trịnh Thị Hằng**
 Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất
 Diện tích 151,1m² đất BHK xin chuyển mục đích sang đất ODT
6. Bản vẽ thửa đất:
 - 6.1. Sơ đồ thửa đất
 - 6.2. Chiều dài cạnh thửa



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	20,89
2-3	2,20
3-4	4,13
4-5	0,68
5-6	6,01
6-7	12,35
7-8	4,60
8-1	7,00

Người trích lục

Lai Châu, ngày 02.. tháng .đ... năm 2020

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Trịnh Thị Kim Nhung



Trịnh Thị Kim Nhung

Nguyễn Văn Hải

